

## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



# Quỹ đầu tư giá trị MB Capital

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	19
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	23 - 52

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 74.738.999.400 VND, tương đương với 7.473.899,94 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 50.395.121.700 VND, tương đương với 5.039.512,17 chứng chỉ quỹ).

#### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

#### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lương Văn Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015
Ông Hiroshi Hiramoto	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016
Bà Lê Hoàng Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Như Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2016
Ông Đoàn Phong Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2016

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:

Ông Lương Văn Trung  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

#### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 6,38% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

#### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

##### 1.3.1 Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ MBVF sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư.

##### 1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề sau (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này) với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- |                                 |                              |
|---------------------------------|------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng             |
| - Thực phẩm - Nước giải khát    | - Bảo hiểm                   |
| - Vật liệu - Khai khoáng        | - Hàng hóa công nghiệp       |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản  | - Dược phẩm                  |
| - Tiện ích công cộng            | - Vận tải                    |
| - Năng lượng                    | - Dịch vụ                    |
| - Bán lẻ                        | - Dệt may- Thiết bị phụ tùng |

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

##### 1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

#### 1.4 Phân loại Quỹ: Quỹ mở

#### 1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 74.738.999.400 VND, tương đương với 7.473.899,94 chứng chỉ quỹ.

#### 1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

#### 1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ:

Trong kỳ quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 06 năm 2015
Danh mục chứng khoán	55,79%	58,22%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	43,38%	38,64%
Các tài sản khác	0,83%	3,14%
	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	87.071.134.176	108.347.389.613
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7.473.899,94	10.274.849,63
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	11.650	10.545
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	11.650	11.307
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	10.478	10.267
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	6,38%	0,10%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	48,54%	252,46%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	700
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	700
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	06 tháng 04 năm 2015
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	3,21%	2,86%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	81,46%	70,88%

### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	10,48%	10,48%
2 năm đến thời điểm báo cáo	10,85%	8,72%



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

#### 2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	6,38%	0,10%

### 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Sau khi bùng nổ trong năm 2015, kinh tế Việt Nam qua sáu tháng đầu năm 2016 cho thấy dấu hiệu giảm tốc. Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2016 thấp hơn cùng kỳ năm trước (đạt mức 5,52% so với mức 6,32% của cùng kỳ năm trước). Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2016 sau khi loại trừ yếu tố giá tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 7,5% cùng kỳ 2015. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng chậm hơn cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2016, chỉ số sản xuất công nghiệp chỉ tăng 7,5% thấp hơn so cùng kỳ năm trước 9,7%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2016 tăng 2,35% so với tháng 12/2015 và tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân mỗi tháng trong 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 0,39%, là mức tăng cao hơn so với cùng kỳ 2015 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với một số năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 1,72% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Đóng góp nhiều nhất vào lạm phát 6 tháng đầu năm 2016 thuộc về lĩnh vực y tế và giáo dục, tiếp đến là nhóm lương thực thực phẩm. Lĩnh vực giao thông vận tải, các mặt hàng cơ bản vẫn thấp hơn so với cùng kỳ góp phần kiềm chế CPI.

Trong nửa đầu của năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt hơn 162,9 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt 82,2 tỷ USD và nhập khẩu đạt 80,7 tỷ USD, dẫn đến thặng dư cán cân thương mại hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2016 ở mức 1,5 tỷ USD (so với mức thâm hụt 3,7 tỷ USD của cùng kỳ năm 2015). Tổng vốn đăng ký cấp mới trong 6 tháng đầu năm tăng thêm là 11,28 tỷ USD, bằng 105% so với cùng kỳ năm 2015. Số vốn đã giải ngân được 7,3 tỷ USD, tăng 15,1% với cùng kỳ năm 2015. Tính đến tháng 6/2016, mặt bằng lãi suất huy động tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến ở mức 4,5%-5,4%/năm; kỳ hạn trên 6 tháng ở mức 5,4%-7,2%/năm, trong khi đó lãi suất cho vay giảm nhẹ. Tăng trưởng tín dụng tăng trưởng mạnh trở lại trong tháng 5&6 sau giai đoạn 4 tháng đầu năm tăng trưởng chậm, tính đến cuối tháng 6 năm 2016, tăng trưởng tín dụng đạt 6.2% tương đương cùng kỳ năm 2015. Trong khi đó tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 7.08% và mức huy động vốn tăng 8.23%.

Trong 6 tháng đầu năm 2016, tỷ giá hối đoái cơ bản ổn định và ít biến động hơn so với 2015 nhờ thuận lợi cả yếu tố bên trong và bên ngoài. Tuy vậy, sự kiện Brexit cũng gây ra tác động tới các cặp tỷ giá hối đoái, tỷ giá EUR/VND có sự biến động giảm nhẹ trong tháng 6, trong khi cặp tỷ giá JPY/VND lại có sự tăng giá do nhu cầu cho tài sản an toàn như đồng Yên tăng mạnh trên thế giới.

Với bối cảnh các chỉ số tài chính vĩ mô, tiêu dùng, thu hút vốn đầu tư... vẫn duy trì ổn định dù dấu hiệu giảm tốc rõ nét, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có tăng trưởng tích cực trong 6 tháng đầu năm 2016. Các chỉ số VN-Index và HNX-Index đạt mức tăng trưởng lần lượt là 9.19% và 5.96%. Các nhóm ngành có mức tăng trưởng tốt trong 6T/2016 bao gồm nhóm cổ phiếu dược phẩm, y tế, năng lượng và thép.. Xét về khối lượng giao dịch, tính chung trong Quý 2 khối lượng giao dịch trung bình suy giảm nhẹ mặc dù đã tăng vẫn được duy trì ổn định. Kết thúc Quý 2/2016, chỉ số P/E của thị trường Việt Nam (sàn HSX) ở mức 13,63; tăng khá mạnh so với mức 11,31 cuối năm 2015 do mức tăng đáng kể thị giá của nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn như GAS, VNM, PVD, HPG, HSG,... Trong đó, nhiều cổ phiếu đã thiết lập mặt bằng giá mới trong vòng 3-5 năm trở lại đây. P/E của thị trường Việt Nam nhìn chung đã thu hẹp khoảng cách đáng kể so với các thị trường khác trong khu vực

## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	8,90%	30,31%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-27,01%	-32,13%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	10,48%	23,50%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	10,48%	8,72%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 2 năm gần nhất:



NAV/CCQ từ ngày 25/04/2014 đến ngày 02/04/2015 đã được điều chỉnh cổ tức 7% (700 VND/CCQ)

#### Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	87.071.134.176	108.347.389.613	-19,64%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	11.650	10.545	10,48%



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	203	276.412,08	3,70%
Từ 5.000 đến 10.000	28	235.594,29	3,15%
Từ 10.000 đến 50.000	46	1.168.464,91	15,63%
Từ 50.000 đến 500.000	20	2.245.956,66	30,06%
Trên 500.000	3	3.547.472,00	47,46%
	<b>300</b>	<b>7.473.899,94</b>	<b>100%</b>

## 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán sẽ biến động khó lường do nhiều yếu tố như giá dầu, bất ổn ở châu Âu, vấn đề nợ xấu của ngân hàng hay các diễn biến của tỉ giá.

- VN-Index đang ở vùng đỉnh kể từ tháng 3/2008 là 640 điểm, tuy nhiên vẫn có khả năng tăng trong ngắn hạn lên mốc 680 điểm.
- Dự báo VN-index cuối năm 2016 sẽ nằm trong vùng 620-660 điểm.

## 6. THÔNG TIN KHÁC

*Đội ngũ quản lý của Quỹ*

### **Ông Nguyễn Đức Hải**

*Phó Tổng Giám đốc Phụ trách  
Đầu tư*

Ông Hải có 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. Ông Hải gia nhập MB Capital vào năm 2007 ở vị trí chuyên viên phân tích. Sau đó năm 2009 ông đảm nhiệm vị trí Phó phòng Quản lý Danh mục đầu tư chịu trách nhiệm hỗ trợ, giám sát phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Năm 2011, ông chính thức giữ vai trò Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư phụ trách một số danh mục và Quỹ đầu tư cho Nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế của Hanoi School of Business, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **Ông Ngô Long Giang**

*Giám đốc Đầu tư*

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, Ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ).



# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### Ban Điều hành của Công Ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

##### **Ông Phan Phương Anh**

*Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị  
kiêm Tổng giám đốc*

Ông Phan Anh có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam. Ông là một trong những thành viên sáng lập MB Capital. Trước khi sáng lập MB Capital, ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO của NHTMCP Quân Đội.

Dưới sự điều hành của Ông, kể từ khi thành lập cho đến nay MB Capital đã trở thành một trong những công ty quản lý Quỹ hoạt động tích cực nhất trên thị trường Việt Nam. Năm 2006, MB Capital đã thành công trong việc thành lập một trong những quỹ thành viên đầu tiên cho Nhà tổ chức trong nước. Năm 2010, MB Capital đã hợp tác với các nhà đầu tư Nhật Bản thành lập 2 quỹ đầu tư chuyên biệt. Và đầu năm 2013, MB Capital đã ra đời Quỹ mở đầu tư trái phiếu (MBBF) đầu tiên tại Việt Nam.

##### **Ông Nguyễn Đức Hải**

*Phó Tổng Giám đốc*

Ông Hải có gần 10 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải là Chuyên viên phân tích tài chính tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11/2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

##### **Bà Trương Thị Hương Trà**

*Phó Tổng Giám đốc*

Bà Trương Thị Hương Trà có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà Trà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 04/2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### Ban Đại diện Quỹ

##### **Ông Lương Văn Trung**

*Luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC*

*Chủ tịch Ban đại diện*

Ông Lương Văn Trung có hơn 17 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ 04/2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trưởng College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.

##### **Ông Hiroshi Hiramoto**

*Phó Tổng giám đốc, Giám đốc khối Kế hoạch và Kinh doanh Japan Asia Securities Limited, Nhật Bản*

*Thành viên Ban đại diện*

Ông Hiramoto Hiroshi có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán tại Nhật Bản. Ông từng giữ nhiều trọng trách tại các công ty chứng khoán lớn của Nhật Bản như: Trưởng phòng kế hoạch, khảo sát và ứng dụng sản phẩm, Phó phòng Quản lý Quỹ đầu tư của công ty Chứng khoán Tokyo, Trưởng phòng phát triển sản phẩm dịch vụ, ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc bộ phận kế hoạch và kinh doanh chứng khoán của công ty Chứng khoán Japan Asia. Ông Hiramoto làm việc cho Công ty chứng khoán Nhật Bản với vai trò Cố vấn cấp cao (từ tháng 5/2010), và Tổng Giám đốc JSI (từ tháng 1/2011 – đến tháng 4/2014). Hiện tại Ông Hiroshi Hiramoto đang giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Kế hoạch và Kinh doanh của công ty Japan Asia Securities Limited, Nhật Bản.

Ông Hiramoto tốt nghiệp Kỹ sư công nghệ (1979) và Thạc sỹ Công nghệ (1981) trường Đại học Tổng hợp Hiroshima. Ông đã có chứng chỉ Môi giới chứng khoán, chứng chỉ kiểm soát nội bộ, chứng chỉ hoạch định tài chính do Ủy Ban Chứng khoán Nhật Bản cấp. Ông cũng đạt Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp năm 2011.

# Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

##### **Ông Trần Hải Hà**

*Tổng Giám đốc MBS*

*Thành viên Ban đại diện*

Ông Trần Hải Hà là người có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) như Phó Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Định chế tài chính, Giám đốc Chi nhánh MB tại Hải Phòng. Ông Trần Hải Hà chính thức tiếp quản vị trí Tổng Giám đốc MBS kể từ ngày 03 tháng 06 năm 2013.

##### **Bà Lê Hoàng Yến**

*Trưởng phòng phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn- Công ty NTT Việt Nam*

*Thành viên Ban Đại diện*

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Lê Hoàng Yến đã từng có thời gian làm việc tại ngân hàng VP bank và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.

##### **Ông Đoàn Phong Quang**

*Phó Tổng Giám đốc, Công ty Bảo hiểm Quân đội*

*Thành viên Ban Đại diện*

Ông Đoàn Phong Quang hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC). Trước khi gia nhập MIC, ông Đoàn Phong Quang từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ông Quang được bầu làm thành viên Ban đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital từ tháng 4/2016.



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Giá Trị MB Capital ("Quỹ") cho giai đoạn giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Tại một số kỳ định giá cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với mục 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều lệ Quỹ. Theo đó, tại các kỳ định giá trong tháng 1 năm 2016 và từ kỳ định giá ngày 21 tháng 04 năm 2016 đến ngày 19 tháng 05 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ vào hạng mục đầu tư lớn đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư, thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ và đồng thời Công ty quản lý quỹ cũng thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ.

Tại các kỳ định giá khác trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016, cơ cấu đầu của Quỹ đã tuân thủ các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**STEFAN CORERA**  
Giám Đốc Điều Hành  
Khối Nghiệp Vụ và CNTT

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**LÊ SỸ HOÀNG**  
Trưởng Phòng Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Số tham chiếu: 61020402/18750978-MBVF

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các nhà đầu tư**  
**Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016 và được trình bày từ trang 15 đến trang 52, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ mở giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015, Quý phải trình bày và sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét để công bố thông tin. Theo đó, kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là kỳ kế toán đầu tiên mà báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý phải được soát xét cho mục đích công bố thông tin. Vì vậy, số liệu so sánh kỳ trước trên báo cáo thu nhập giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu chưa được soát xét.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Samen Bandara

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 08 năm 2016



BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Chưa soát xét)
<b>1</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>6.126.457.668</b>	<b>1.508.907.539</b>
2	1.1. Cổ tức được chia		813.015.000	1.281.191.000
3	1.2. Tiền lãi được nhận		506.108.468	831.620.139
4	1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	3.405.923.664	1.718.571.910
5	1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	1.401.410.536	(2.322.475.510)
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>178.668.596</b>	<b>167.224.145</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	178.668.596	167.224.145
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>961.467.354</b>	<b>939.669.497</b>
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		525.347.831	577.285.375
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		84.718.272	72.092.984
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		53.935.482	24.640.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		99.000.000	65.560.001
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		52.800.000	52.800.000
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán		24.067.758	18.000.817
	3.7. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ		106.875.483	117.903.226
20.10	3.8. Chi phí hoạt động khác	8	14.722.528	11.387.094
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>4.986.321.718</b>	<b>402.013.897</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>4.986.321.718</b>	<b>402.013.897</b>
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		3.584.911.182	2.724.489.407
32	6.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		1.401.410.536	(2.322.475.510)
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>4.986.321.718</b>	<b>402.013.897</b>

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>9</b>	<b>38.206.192.028</b>	<b>28.139.070.433</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		8.206.192.028	6.139.070.433
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		30.000.000.000	22.000.000.000
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>10</b>	<b>49.133.719.400</b>	<b>28.333.765.000</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư		49.133.719.400	28.333.765.000
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>11</b>	<b>728.893.889</b>	<b>594.002.319</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		728.893.889	594.002.319
136	3.1.1. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận		728.893.889	594.002.319
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>88.068.805.317</b>	<b>57.066.837.752</b>
	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	12	703.293.360	1.654.707.107
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ		47.985.126	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.620.522	-
316	4. Chi phí phải trả	13	75.140.435	93.300.000
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	14	169.526.198	129.130.008
320	6. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư		105.500	105.500
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>997.671.141</b>	<b>1.877.242.615</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>87.071.134.176</b>	<b>55.189.595.137</b>
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	15	74.738.999.400	50.395.121.700
412	1.1 Vốn góp phát hành		178.534.301.600	138.521.549.900
413	1.2 Vốn góp mua lại		(103.795.302.200)	(88.126.428.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		922.459.027	(1.628.880.594)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	11.409.675.749	6.423.354.031
	Lợi nhuận đã thực hiện		11.133.397.431	7.548.486.249
	Lợi nhuận chưa thực hiện		276.278.318	(1.125.132.218)
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>11.650</b>	<b>10.951</b>



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
440	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		<b>4.515.227.682</b>	<b>4.515.227.682</b>
	1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ		-	4.515.227.682
	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo		4.515.227.682	4.515.227.682

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: chứng chỉ quỹ

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7.473.899,94	5.039.512,17

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
I	<b>Giá trị tài sản ròng đầu kỳ</b>	<b>55.189.595.137</b>	<b>73.076.049.751</b>
II	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ</b>	<b>4.986.321.718</b>	<b>(4.113.213.785)</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	4.986.321.718	402.013.897
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	(4.515.227.682)
III	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>26.895.217.321</b>	<b>39.384.553.647</b>
1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	44.087.670.000	40.324.680.000
2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(17.192.452.679)	(940.126.353)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ</b>	<b>87.071.134.176</b>	<b>108.347.389.613</b>

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng cổ phần	Giá thị trường VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ/Tổng giá trị tài sản hiện tại
<b>I</b>	<b>CỔ PHIẾU NIÊM YẾT</b>				
1	Công ty Cổ phần FPT	247.706	41.800	10.354.110.800	11,76%
2	Công ty Cổ Phần Gas Petrolimex	400.632	10.800	4.326.825.600	4,91%
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	488.500	10.500	5.129.250.000	5,82%
4	Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	398.270	13.000	5.177.510.000	5,88%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	135.900	19.000	2.582.100.000	2,93%
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	269.510	15.300	4.123.503.000	4,68%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	1.156.600	10.800	12.491.280.000	14,18%
8	Tổng CTCP May Việt Tiến	63.800	65.100	4.153.380.000	4,72%
9	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	40.600	19.600	795.760.000	0,90%
		<b>3.201.518</b>		<b>49.133.719.400</b>	<b>55,79%</b>
<b>IV</b>	<b>CÁC TÀI SẢN KHÁC</b>				
1	Dự thu cổ tức được nhận			624.005.000	0,71%
2	Dự thu lãi tiền gửi được nhận			104.888.889	0,12%
				<b>728.893.889</b>	<b>0,83%</b>
<b>V</b>	<b>TIỀN</b>				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			8.206.192.028	9,32%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			30.000.000.000	34,06%
				<b>38.206.192. 028</b>	<b>43,38%</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>88.068.805.317</b>	<b>100%</b>

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Chưa soát xét)
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(68.490.945.000)	(78.032.570.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		51.549.904.800	38.742.050.000
03	3. Cổ tức đã nhận		724.342.000	1.567.109.071
04	4. Tiền lãi đã thu		459.889.898	875.088.194
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(939.230.729)	(903.213.870)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)		(181.662.343)	(165.089.121)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(16.877.701.374)</b>	<b>(37.916.625.726)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ mở		44.130.020.000	40.729.900.000
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ mở		(17.185.197.031)	(940.126.353)
	3. Thu nhập trả cho Nhà đầu tư		-	(4.515.016.682)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>26.944.822.969</b>	<b>35.274.756.965</b>
40	<b>III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ</b>		<b>10.067.121.595</b>	<b>(2.641.868.761)</b>
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>28.139.070.433</b>	<b>36.439.042.303</b>
51	1. Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		28.139.070.433	36.439.042.303
52	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		28.139.070.433	36.439.042.303

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>9</b>	<b>38.206.192.028</b>	<b>33.797.173.542</b>
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		38.206.192.028	33.797.173.542
57	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		38.206.192.028	33.797.173.542
<b>60</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>10.067.121.595</b>	<b>(2.641.868.761)</b>

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1.1 Thông tin về Quỹ**

**Quỹ**

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ.

**Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

**Ngân hàng giám sát**

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**

**Quy mô vốn**

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 74.738.999.400 VND, tương đương với 7.473.899,94 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 50.395.121.700 VND, tương đương với 5.039.512,17 chứng chỉ quỹ).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

**Kỳ tính giá trị tài sản ròng**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ Năm hàng tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

**Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ**

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày Thứ Năm tuần thứ hai và tuần thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì được chuyển sang ngày Thứ Năm kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày Thứ Năm kế tiếp vẫn là nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

**Hạn chế đầu tư**

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- ▶ Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết; cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Hạn chế đầu tư (tiếp theo)**

- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

**2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán**

Các năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Giai đoạn tài chính riêng giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

**3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán* (tiếp theo)

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Do vậy, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 3.2 *Số liệu so sánh*

Theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015, Quỹ phải trình bày và sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét để công bố thông tin. Theo đó, kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là kỳ kế toán đầu tiên mà báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ phải được soát xét cho mục đích công bố thông tin. Vì vậy, số liệu so sánh kỳ trước trên báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu chưa được soát xét.

#### 3.3 *Tuân thủ*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ.

#### 3.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### 4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

*Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

*Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý, Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183 và Thông tư số 15 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

###### *Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ *Tiền (VND)*: là số dư tiền gửi tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Ngoại tệ*: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tiền gửi có kỳ hạn* là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu*: giá được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Đối với các công cụ không trả lãi*:
  - i. Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
  - ii. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
- ▶ *Trái phiếu*:
  - i. *Trái phiếu niêm yết*: Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);  
  
 Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:
    - ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế;
    - ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
    - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  - ii. *Trái phiếu chưa niêm yết*: Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;  
  
 Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được ban đại diện Quỹ thông qua.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

###### ► Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.  
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
  - ✓ Giá trị sổ sách;
  - ✓ Giá mua;
  - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.  
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
  - ✓ Giá trị sổ sách;
  - ✓ Giá mua;
  - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:
  - ✓ Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
  - ✓ Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được ban đại diện quỹ thông qua.
- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
  - ✓ Giá trị sổ sách;
  - ✓ Mệnh giá;
  - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
  - ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
  - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:
  - ✓ Giá trị sổ sách;
  - ✓ Giá mua/giá trị vốn góp;
  - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

► *Chứng khoán phái sinh*

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► *Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

► *Các tài sản được phép đầu tư khác:* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

##### 4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**4.6 Các khoản phải trả**

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**4.7 Dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.8 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư**

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.9 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

###### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

###### *Cổ tức*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

###### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

##### 4.10 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

###### *Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Phí quản lý là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Phí quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \frac{\text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$

###### *Phí giám sát và phí lưu ký*

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.10 Chi phí (tiếp theo)

*Phí giám sát và phí lưu ký (tiếp theo)*

Phí giám sát và lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

*Nếu quy mô Quỹ dưới 600 tỷ đồng:*

Phí lưu ký = 0,06% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng:*

Phí lưu ký = 0,05% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí lưu ký tối thiểu: 10.000.000/một tháng không có thuế giá trị gia tăng.

Trong kỳ có sự thay đổi mức phí giám sát của Quỹ. Sự thay đổi này đã được đại hội Nhà đầu tư thông qua vào ngày 20 tháng 04 năm 2016 như sau:

*Trước ngày 04 tháng 05 năm 2016:*

Phí giám sát = 0,02% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát tối thiểu: 5.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

*Sau ngày 04 tháng 05 năm 2016:*

Phí giám sát = 0,035% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức phí trên không bao gồm các phí thông thường khác như phí Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, phí sửa lệnh...

*Phí dịch vụ quản trị Quỹ*

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Trong kỳ có sự thay đổi mức phí quản trị của Quỹ. Sự thay đổi này đã được đại hội Nhà đầu tư thông qua vào ngày 20 tháng 04 năm 2016 như sau:

*Trước ngày 04 tháng 05 năm 2016:*

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,035% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí quản trị Quỹ tối thiểu áp: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

*Sau ngày 04 tháng 05 năm 2016:*

Phí quản trị quỹ = 0,045% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí quản trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí định giá đột xuất theo yêu cầu : 10.750.000 VND/ lần

*Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí cố định hàng tháng là 8.000.000 đồng/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; phí giao dịch đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, phí kết nối, phí cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, phí thực hiện quyền được miễn. Mức phí trên chưa bao gồm các phí khác như phí gửi thư cho nhà đầu tư, phí cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.11 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

###### a. *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (năm 2015: 22%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

###### b. *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

##### 4.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

##### 4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

			Lãi, lỗ bán chứng khoán cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND
	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND		
Cổ phiếu niêm yết	51.549.904.800	48.143.981.136	3.405.923.664	1.718.571.910

**6. CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

					Chênh lệch điều chỉnh sổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	
Cổ phiếu niêm yết	48.857.441.082	49.133.719.400	276.278.318	(1.125.132.218)	1.401.410.536

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	101.313.790	103.905.261
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	77.354.806	63.318.884
	<b>178.668.596</b>	<b>167.224.145</b>

**8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Phí ngân hàng	9.749.850	6.428.187
Phí quản lý thường niên	4.972.678	4.958.907
	<b>14.722.528</b>	<b>11.387.094</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	8.206.192.028	6.139.070.433
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	8.206.192.028	6.139.070.433
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống bằng VND	30.000.000.000	22.000.000.000
	<b>38.206.192.028</b>	<b>28.139.070.433</b>

Tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn 1 tháng với lãi suất trong kỳ từ 5,00%/năm đến 5,30%/năm.

## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu	48.857.441.082	49.133.719.400	276.278.318	29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)
- Cổ phiếu niêm yết	48.857.441.082	49.133.719.400	276.278.318	29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)
<b>Tổng</b>	<b>48.857.441.082</b>	<b>49.133.719.400</b>	<b>276.278.318</b>	<b>29.458.897.218</b>	<b>28.333.765.000</b>	<b>(1.125.132.218)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Dự thu cổ tức	624.005.000	535.332.000
Dự thu lãi tiền gửi	104.888.889	58.670.319
	<b>728.893.889</b>	<b>594.002.319</b>

**12. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Phải trả tiền mua cổ phiếu	703.293.360	1.654.707.107
	<b>703.293.360</b>	<b>1.654.707.107</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Phải trả kiểm toán	24.067.758	36.300.000
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	46.099.999	57.000.000
Phải trả khác	4.972.678	-
	<b>75.140.435</b>	<b>93.300.000</b>

**14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Phải trả phí quản lý	105.241.198	69.530.008
Phải trả phí lưu ký	10.000.000	10.000.000
Phải trả phí giám sát	16.500.000	5.500.000
Phải trả phí quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	19.800.000	26.400.000
Phải trả phí giao dịch	1.485.000	1.200.000
	<b>169.526.198</b>	<b>129.130.008</b>



Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Vốn góp phát hành				Vốn góp mua lại				Giá trị ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (VND)				
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)					
Tại ngày 31/12/2014	7.623.572,80	10.295	76.235.728.000	2.250.812.000	78.486.540.000	(1.118.900)	11.078	(11.189.000.000)	(1.206.297.100)	(12.395.297.100)	6.504.672,80	66.091.242.900	11.234
Phát sinh trong năm	6.228.582,19	10.607	62.285.821.900	3.779.969.467	66.065.791.367	(7.693.742,82)	10.839	(76.937.428.200)	(6.453.364.961)	(83.390.793.161)			
Tại ngày 31/12/2015	13.852.154,99	10.435	138.521.549.900	6.030.781.467	144.552.331.367	(8.812.642,82)	10.869	(88.126.428.200)	(7.659.662.061)	(95.786.090.261)	5.039.512,17	48.766.241.106	10.951
Phát sinh trong kỳ	4.001.275,17	11.018	40.012.751.700	4.074.918.300	44.087.670.000	(1.566.887,40)	10.972	(15.668.874.000)	(1.523.578.679)	(17.192.452.679)			
Tại ngày 30/6/2016	17.853.430,16	10.566	178.534.301.600	10.105.699.767	188.640.001.367	(10.379.530,22)	10.885	(103.795.302.200)	(9.183.240.740)	(112.978.542.940)	7.473.899,94	75.661.458.427	11.650

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 54.423.600.000 VND, tương ứng với 5.442.360 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên một chứng chỉ Quỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	<i>Lợi nhuận đã thực hiện VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>4.772.629.550</b>	<b>2.212.177.301</b>	<b>6.984.806.851</b>
Phát sinh trong năm	7.291.084.381	(3.337.309.519)	3.953.774.862
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	(4.515.227.682)	-	(4.515.227.682)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>7.548.486.249</b>	<b>(1.125.132.218)</b>	<b>6.423.354.031</b>
Phát sinh trong kỳ	3.584.911.182	1.401.410.536	4.986.321.718
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>11.133.397.431</b>	<b>276.278.318</b>	<b>11.409.675.749</b>

## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Biến động giá trị tài sản ròng của Quỹ trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày dưới đây:

Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND
	01/01/2016	55.189.595.137	5.039.512,17	10.951	(8)		01/01/2015	73.076.049.751	6.504.672,80	11.234	
1	07/01/2016	54.458.582.681	5.039.512,17	10.806	(127)		08/01/2015	73.547.411.536	6.504.672,80	11.307	73
2	14/01/2016	53.819.193.580	5.039.512,17	10.679	(201)		15/01/2015	72.359.370.494	6.474.672,80	11.176	(131)
3	21/01/2016	51.741.246.002	4.938.249,32	10.478	121		22/01/2015	71.965.232.322	6.474.672,80	11.115	(61)
4	28/01/2016	52.342.858.684	4.938.249,32	10.599	102		29/01/2015	72.147.217.856	6.484.361,05	11.126	11
5	01/02/2016	53.481.096.900	4.997.854,35	10.701	(105)		01/02/2015	71.829.936.817	6.484.361,05	11.077	(49)
6	04/02/2016	52.958.355.871	4.997.854,35	10.596	109		05/02/2015	71.411.300.273	6.484.361,05	11.013	(65)
7	11/02/2016	53.503.618.782	4.997.854,35	10.705	52		01/03/2015	72.114.246.033	6.484.361,05	11.146	133
8	18/02/2016	53.627.194.574	4.997.854,35	10.730	17		01/04/2015	70.945.177.970	6.469.934,41	10.999	(147)
9	25/02/2016	53.887.496.679	4.997.854,35	10.782	(17)		01/05/2015	67.407.707.969	6.469.934,41	10.449	(550)
10	01/03/2016	53.801.834.536	4.997.854,35	10.765	64		01/06/2015	97.288.221.431	6.469.934,41	10.499	50
11	03/03/2016	53.884.722.567	4.997.854,35	10.782	184		12/02/2015	71.769.362.923	6.469.934,41	11.068	569
12	10/03/2016	54.204.362.685	4.997.854,35	10.846	18		24/02/2015	71.815.598.619	6.469.934,41	11.100	32
13	17/03/2016	55.128.197.078	4.997.854,35	11.030	34		26/02/2015	71.695.557.664	6.459.934,41	11.081	(19)
14	24/03/2016	55.215.599.192	4.997.854,35	11.048	23		05/03/2015	72.289.621.195	6.459.934,41	11.173	92
15	31/03/2016	87.243.315.040	7.872.600,50	11.082	41		12/03/2015	72.092.676.946	6.450.325,26	11.143	(30)
16	01/04/2016	87.427.463.995	7.872.600,50	11.105	159		19/03/2015	71.658.233.124	6.450.325,26	11.093	(50)
17	07/04/2016	87.102.581.471	7.872.600,50	11.064	(39)		26/03/2015	71.236.964.364	6.450.325,26	11.028	(65)
18	14/04/2016	88.356.551.803	7.872.600,50	11.223	85		02/04/2015	70.009.716.563	6.444.922,69	10.854	(174)
19	21/04/2016	81.713.825.679	7.306.550,86	11.184			09/04/2015	66.227.489.698	6.444.922,69	10.267	(586)
20	28/04/2016	82.336.133.212	7.306.550,86	11.269			16/04/2015	66.557.485.503	6.451.144,37	10.327	60



## Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND		Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	
				Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND				Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
21	01/05/2016	82.414.636.419	7.286.929,36	11.310	41	23/04/2015	67.280.852.976	6.451.144,37	10.439	112
22	05/05/2016	81.887.789.342	7.286.929,36	11.238	(72)	30/04/2015	67.408.773.490	6.451.144,37	10.449	10
23	12/05/2016	81.932.808.889	7.286.929,36	11.244	6	07/05/2015	66.460.733.583	6.451.144,37	10.302	(147)
24	19/05/2016	82.598.047.566	7.253.226,94	11.388	144	14/05/2015	66.755.018.617	7.900.032,84	10.348	46
25	26/05/2016	82.321.908.733	7.253.226,94	11.350	(38)	21/05/2015	82.658.155.222	7.900.032,84	10.463	115
26	01/06/2016	82.642.240.409	7.253.226,94	11.394	44	28/05/2015	83.027.129.238	9.266.157,42	10.510	47
27	02/06/2016	82.595.557.034	7.253.226,94	11.387	(7)	04/06/2015	97.782.315.037	9.266.157,42	10.553	43
28	09/06/2016	83.306.848.244	7.253.226,94	11.485	98	11/06/2015	97.679.036.015	9.266.157,42	10.541	(11)
29	16/06/2016	86.183.614.300	7.449.897,46	11.568	83	18/06/2015	108.338.843.927	10.268.272,19	10.551	9
30	23/06/2016	86.506.651.293	7.449.897,46	11.612	44	25/06/2015	108.186.884.766	10.268.272,19	10.536	(15)
31	30/06/2016	86.465.711.530	7.473.899,94	11.569	(43)	01/07/2015	108.347.389.613	10.274.849,63	10.545	9
32	01/07/2016	87.071.134.176	7.473.899,94	11.650	81					
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ				71.005.036.842		77.428.827.799				

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

-	Mức cao nhất trong kỳ (VND)	(201)	(586)
-	Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	6	9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Chứng chỉ quỹ
Số lượng	7.473.899,94	5.039.512,17
	<b>7.473.899,94</b>	<b>5.039.512,17</b>

**19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC**

**19.1 Các bên liên quan**

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

**i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ Phí quản lý		525.347.831	577.285.375

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	105.241.198	69.530.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

### 19.1 Các bên liên quan (tiếp theo)

#### ii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 99.035.483 VND. Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Quỹ còn phải trả Ban Đại diện khoản thù lao quý II năm 2016 là 46.099.999 VND.

#### iii) Ngân hàng TMCP Quân đội

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập lãi tiền gửi	176.650.434	-

Không có số dư trọng yếu nào với Ngân hàng TMCP Quân đội tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

#### iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán MB – Nhà đầu tư

Phí môi giới chứng khoán phát sinh trong kỳ của Quỹ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán MB là 12.148.351 đồng Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

### 19.2 Các hợp đồng then chốt khác

#### Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Các giao dịch trọng yếu kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
			VND	VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí giám sát	53.935.482	24.640.000
		Phí lưu ký	60.000.000	44.800.000
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	65.560.001
		Phí giao dịch chứng khoán	17.310.000	21.200.000

Số dư trọng yếu tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
			VND	VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	8.206.192.028	6.139.070.433
		Phí lưu ký phải trả	10.000.000	10.000.000
		Phí giám sát phải trả	16.500.000	5.500.000
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	16.500.000	16.500.000
		Phí giao dịch chứng khoán phải trả	1.485.000	1.200.000

## 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của quỹ. Nợ phải trả tài chính của quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

### *Độ nhạy đối với lãi suất*

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Rủi ro tiền tệ*

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết*

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 49.133.719.400 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (4.913.371.940) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 4.913.371.940 đồng Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	703.293.360	-	-	-	703.293.360
Chi phí phải trả	-	75.140.435	-	-	-	75.140.435
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	169.526.198	-	-	-	169.526.198
Phí trả cho đại lý phân phối	-	47.985.126	-	-	-	47.985.126
Phải trả thuế và phải nộp nhà nước	-	1.620.522	-	-	-	1.620.522
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	105.500	-	-	-	105.500
	-	<b>997.671.141</b>	-	-	-	<b>997.671.141</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	1.654.707.107	-	-	-	1.654.707.107
Chi phí phải trả	-	93.300.000	-	-	-	93.300.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	129.130.008	-	-	-	129.130.008
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	105.500	-	-	-	105.500
	-	<b>1.877.242.615</b>	-	-	-	<b>1.877.242.615</b>

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198, Thông tư số 183 và Thông tư số 15.

### Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

► ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

► ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

**Tài sản tài chính** (tiếp theo)

- ▶ ***Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:***
  - (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
  - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
  - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ ***Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:***
  - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
  - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
  - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***  
Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ,***  
bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm 30 tháng 6:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2016		Ngày 30 tháng 06 năm 2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	48.857.441.082	49.133.719.400	29.458.897.218	28.333.765.000
- Cổ phiếu niêm yết	48.857.441.082	49.133.719.400	29.458.897.218	28.333.765.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu	38.935.085.917	38.935.085.917	28.733.072.752	28.733.072.752
- Tiền gửi không kỳ hạn	8.206.192.028	8.206.192.028	6.139.070.433	6.139.070.433
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	30.000.000.000	30.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	728.893.889	728.893.889	594.002.319	594.002.319
	<b>87.792.526.999</b>	<b>88.068.805.317</b>	<b>58.191.969.970</b>	<b>57.066.837.752</b>
	Ngày 30 tháng 06 năm 2016		Ngày 30 tháng 06 năm 2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả tiền mua các khoản đầu tư	703.293.360	703.293.360	1.654.707.107	1.654.707.107
Chi phí phải trả	75.140.435	75.140.435	93.300.000	93.300.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	169.526.198	169.526.198	129.130.008	129.130.008
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.620.522	1.620.522	-	-
Phải trả đại lý phân phối	47.985.126	47.985.126	-	-
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	105.500	105.500	105.500	105.500
	<b>997.671.141</b>	<b>997.671.141</b>	<b>1.877.242.615</b>	<b>1.877.242.615</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 – Các khoản đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,48%	1,49%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,39%	0,25%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,43%	0,31%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,07%	0,05%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,28%	0,3%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	3,21%	2,86%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ(%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	81,46%	70,88%
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	50.395.121.700	65.046.728.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	5.039.512,17	6.504.672.80
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	4.001.275,17	3.855.235.49
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	40.012.751.700	38.552.354.900
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(1.566.887,40)	(85.058.66)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(15.668.874.000)	(850.586.600)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	74.738.999.400	102.748.496.300
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	7.473.899,94	10.274.849.63
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	47,88%	45,10%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	63,43%	67,21%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,03%	0,02%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	300	377
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	11.650	10.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2016